

Bản án số: 1249/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/8/2022.

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phan Thị Xuân Hương.

2/ Ông Lê Văn Rôi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 687/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 351/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Huỳnh A T, sinh năm 1987. (có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: 218/8, ấp TT, xã TPL, huyện CT, tỉnh LA.

Địa chỉ: 3/15 đường 458, ấp TA, xã TA, huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Bà Nguyễn T T T, sinh năm 1989; (vắng mặt)

Thường trú: số 1014/3 TL 15, tổ 4, ấp CC 2, xã ANT, huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 08/4/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh A T trình bày:

Vào khoảng năm 2008 ông bà có quen biết và tìm hiểu nhau, đến năm 2009 ông bà đăng ký kết hôn và được UBND xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124, quyển số 01/2009 ngày 14/11/2009. Thời gian đầu ông bà sống rất hạnh phúc, nhưng những năm gần đây ông bà thường xuyên gây gổ, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay vì mục đích hôn nhân không đạt được, không đem lại hạnh phúc như mong muốn, tình cảm vợ chồng không còn như trước. Ông yêu cầu được ly hôn để chấm dứt quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Tuyết Trân, sinh ngày 02/02/2011. Giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án vi phạm thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông T được ly hôn với bà T; Con chung: giao con chung tên Huỳnh Nguyễn Tuyết Trân cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã ANT, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện; Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh A T và bà Nguyễn T T T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124, quyển số 01/2009 ngày 14/11/2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông T xin ly hôn với bà T là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của ông T thì mâu thuẫn giữa ông và bà T là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã,... và bà T đã tự ý dẫn con bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ đó cho đến nay khoảng 05 năm. Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà T không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Tuyết Trân, sinh ngày 02/02/2011, hiện trẻ đang ở với mẹ; Ông T không yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Trẻ Trân có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao trẻ Trân cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Bà T không tham dự phiên tòa và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận. Do hồ sơ xét xử nhiều và thiếu Thư ký nên Tòa án chậm chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, Tòa án xin tiếp thu và sẽ khắc phục trong thời gian tới.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc ông T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh A T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh A T được ly hôn với bà Nguyễn T T T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 124, quyển số 01/2009 ngày 14/11/2009 của Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An cấp cho ông T và bà T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Tuyết Trân, sinh ngày 02/02/2011; Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc ông Huỳnh A T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0044473 ngày 04/5/2022 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA